

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/DS-ST
Ngày 27 – 6 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thúy Kiều.

2. Ông Nguyễn Văn Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 04 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng góp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Dương Thị H, sinh năm 1956; cư trú ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Ông Dương Văn C, sinh năm 1940; cư trú ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị H trình bày và yêu cầu như sau:

Ông Dương Văn C tham gia dây hội do bà Dương Thị H làm chủ hội khai ngày 20-7-2019 âm lịch, hội tháng 2.000.000 đồng, gồm 20 người tham gia, mỗi tháng khai 01 lần. Ông Dương Văn C tham gia 01 phần, hót hội vào lần thứ 17, ngày 20-11-2020 âm lịch. Bà Dương Thị H đã chung đủ tiền hội là 35.000.000 đồng và hội đã mãn vào ngày 20-02-2021 âm lịch. Đến nay ông C còn 02 lần hội chết chưa đóng với số tiền là 4.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, bà Dương Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Dương Văn C phải trả cho bà Dương Thị H số tiền 4.000.000 đồng hội chết và lãi suất chậm trả. Cụ thể, yêu cầu tính lãi từ ngày 20-01-2021 đến ngày

20-6-2022 với mức lãi suất 3%/tháng, tương ứng số tiền lãi là 1.800.000 đồng. Tổng số nợ lãi và gốc yêu cầu ông Dương Văn C trả là 5.800.000 đồng.

Bị đơn ông Dương Văn C có ý kiến như sau:

Ông Dương Văn C thừa nhận còn nợ tiền hội của bà Dương Thị H đối với dây hội 2.000.000 đồng ngày 20-7-2019 âm lịch, số tiền còn nợ là 02 lần hội chết bằng 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông không đồng ý trả số tiền hội này bởi vì trong quá trình chơi hội bà H còn nợ ông số tiền 4.000.000 đồng tiền hội của dây hội 1.000.000 đồng khai ngày 10-7-2019 âm lịch mà không trả. Nên ông C mới cản trừ qua lại, không đồng ý trả theo yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu tính lãi chậm trả tiền hội với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn thừa nhận đối với dây hội 2.000.000 đồng ngày 20-7-2019 âm lịch thì ông chưa góp hai lần hội chết cuối cùng nhưng đã cản trừ với số tiền hội mà nguyên đơn chưa chung đủ cho ông nên hai bên không ai nợ ai, nay ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn Dương Thị H khởi kiện yêu cầu đòi lại tiền nợ hội đối với bị đơn đang cư trú tại ấp M, xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Dương Văn C thừa nhận có tham gia dây hội tháng 2.000.000 đồng mở ngày 20-7-2019 âm lịch do nguyên đơn bà Dương Thị H làm chủ hội và còn thiếu lại 02 lần hội chết cuối cùng (vào các lần khai hội ngày 20-01-2019 và ngày 20-02-2019 âm lịch) là 4.000.000 đồng chưa đóng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về pháp luật áp dụng, dây hội do các bên xác lập ngày 20-7-2019 âm lịch, nhằm ngày 20-8-2019 dương lịch nên áp dụng Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hội, họ, biêu, phường để giải quyết.

[4] Ông Dương Văn C không đồng ý trả số tiền hội chết còn thiếu cho chủ hội là bà Dương Thị H bởi vì bà H còn nợ tiền hội của ông ở dây hội tháng 1.000.000 đồng ngày 10-7-2019 âm lịch chưa chung. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Dương Văn C đã được giải thích quyền yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố để yêu cầu bà Dương Thị H trả cho ông số tiền hội mà ông

cho rằng bà H1 còn nợ của ông. Tuy nhiên, ông C vẫn khẳng định ông không có yêu cầu. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông C cũng thống nhất là nếu HĐXX giải quyết buộc ông phải trả tiền hui thì ông đồng ý tính lãi theo quy định của Nhà nước chứ không được tính lãi theo bà Dương Thị H đặt ra.

[5] HĐXX xét thấy việc ông C còn nợ tiền hui chết chưa đóng của 02 lần khai cuối, ngày 20-01-2021 và ngày 20-02-2021 âm lịch (nhằm ngày 03-3-2021 và 03-4-2021 dương lịch) được hai bên đương sự thừa nhận. Do đó, ông Dương Văn C phải có nghĩa vụ trả số tiền hui chết còn nợ và tiền lãi của số tiền chậm góp theo mức lãi suất quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự, thời gian chậm góp bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày khai hui đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau:

- Tại lần khai hui ngày 03-3-2021, tiền lãi chậm góp = 2.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 2 năm 3 tháng 23 ngày = 460.927 đồng.

- Tại lần khai hui ngày 03-4-2021, tiền lãi chậm góp = 2.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 2 năm 2 tháng 23 ngày = 444.327 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi = 4.905.254 đồng.

[6] Như vậy, việc bà Dương Thị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn ông Dương Văn C là người cao tuổi và có yêu cầu được miễn nộp án phí nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 22 và khoản 1 Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hui, biên, phường; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Dương Thị H.

Buộc bị đơn Dương Văn C trả cho nguyên đơn Dương Thị H số tiền 4.905.254 đồng (bốn triệu chín trăm lẻ năm nghìn hai trăm năm mươi bốn đồng), trong đó nợ hụi là 4.000.000 đồng, tiền lãi chậm góp tiền hụi là 905.254 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương Văn C phải chịu án phí 300.000 đồng nhưng được miễn nộp.

- Bà Dương Thị H không phải chịu án phí, trả lại cho bà Dương Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006536 ngày 25-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Lâm